CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN-HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 219 /2026/QĐ-TGĐ	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Công bố danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS từ 17/11/2026)

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN-HÀ NỘI

- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCNVN thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ;*
- *Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội,*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Loại: SGN - Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (HOSE) ra khỏi Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS từ ngày 17/11/2026.

Theo đó, Danh mục chứng khoán giao dịch ký quỹ tại SHS từ ngày 17/11/2026 sẽ bao gồm 291 mã chứng khoán (trong đó 234 mã chứng khoán sàn HSX và 57 mã chứng khoán sàn HNX) như Phụ lục 01 đính kèm.

Điều 2. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 213/2026/QĐ-TGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, các Phòng ban có liên quan, các chi nhánh Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN-HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC
TT VẬN HÀNH VÀ DỊCH VỤ KH
Lê Thị Hoài Thu

Nơi nhận:
- *Như Điều 3;*
- *Lưu VT.*

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 17/11/2026

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	**Mã**		**STT**	**Mã**
1	AAA		1	BAB
2	ACB		2	BVS
3	ACG		3	C69
4	ADS		4	CAP
5	AFX		5	CEO
6	AGG		6	CSC
7	AGR		7	CST
8	ANT		8	DNP
9	ANV		9	DP3
10	ASM		10	DTD
11	AST		11	DXP
12	BAF		12	HUT
13	BCM		13	HVT
14	BFC		14	IDC
15	BIC		15	IDV
16	BID		16	IPA
17	BKG		17	KSF
18	BMP		18	KSV
19	BSI		19	L18
20	BSR		20	L40
21	BVH		21	LAS
22	BWE		22	LHC
23	CDC		23	MAC
24	CHP		24	MBG
25	CII		25	MBS
26	CKG		26	MDC
27	CLL		27	MST
28	CMG		28	MVB
29	CNG		29	NAG
30	CRC		30	NBC
31	CRE		31	NDN
32	CSM		32	NTP
33	CSV		33	PCH
34	CTD		34	PLC
35	CTG		35	PMC
36	CTI		36	PSD
37	CTR		37	PSI
38	CTS		38	PVB
39	D2D		39	PVC
40	DBC		40	PVI

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
41	DBD		41	PVS
42	DC4		42	SCG
43	DCL		43	SJE
44	DCM		44	SLS
45	DGW		45	TD6
46	DHA		46	TIG
47	DHC		47	TMB
48	DHG		48	TNG
49	DIG		49	TPP
50	DPG		50	TVD
51	DPM		51	VC3
52	DPR		52	VC7
53	DRC		53	VCS
54	DRL		54	VFS
55	DSE		55	VGS
56	DSN		56	VNR
57	DVP		57	VTZ
58	DXG			
59	DXS			
60	EIB			
61	ELC			
62	EVF			
63	EVG			
64	FCN			
65	FMC			
66	FPT			
67	FRT			
68	FTS			
69	GAS			
70	GEE			
71	GEG			
72	GEL			
73	GEX			
74	GHC			
75	GMD			
76	GSP			
77	GVR			
78	HAG			
79	HAH			
80	HAX			
81	HCM			
82	HDB			
83	HDC			
84	HDG			

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
85	HHP			
86	HHS			
87	HHV			
88	HPA			
89	HPG			
90	HQC			
91	HSG			
92	HSL			
93	HT1			
94	HTG			
95	HTI			
96	HTN			
97	HVH			
98	IDI			
99	IJC			
100	ILB			
101	IMP			
102	ITC			
103	KBC			
104	KDC			
105	KDH			
106	KHG			
107	KSB			
108	LBM			
109	LCG			
110	LHG			
111	LIX			
112	LPB			
113	LSS			
114	MBB			
115	MCH			
116	MCM			
117	MIG			
118	MSB			
119	MSH			
120	MSN			
121	MWG			
122	NAB			
123	NAF			
124	NCT			
125	NHH			
126	NKG			
127	NLG			
128	NNC			

Sàn HSX				Sàn HNX	
STT	Mã			STT	Mã
129	NT2				
130	NTC				
131	NTL				
132	NVL				
133	OCB				
134	OPC				
135	ORS				
136	PAC				
137	PAN				
138	PC1				
139	PDN				
140	PDR				
141	PET				
142	PGC				
143	PGD				
144	PGI				
145	PHC				
146	PHR				
147	PLX				
148	PNJ				
149	POW				
150	PPC				
151	PTB				
152	PTC				
153	PVD				
154	PVP				
155	PVT				
156	QCG				
157	RAL				
158	REE				
159	RYG				
160	SAB				
161	SAM				
162	SBA				
163	SBT				
164	SCR				
165	SCS				
166	SGR				
167	SHB				
168	SHI				
169	SIP				
170	SJD				
171	SKG				
172	SMB				

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
173	SRC			
174	SSB			
175	SSI			
176	STB			
177	SZC			
178	SZL			
179	TAL			
180	TCB			
181	TCH			
182	TCI			
183	TCL			
184	TCM			
185	TCO			
186	TCX			
187	TDC			
188	TDM			
189	TDP			
190	TEG			
191	THG			
192	TIP			
193	TLD			
194	TLG			
195	TN1			
196	TNI			
197	TNT			
198	TPB			
199	TRA			
200	TRC			
201	TTA			
202	TV2			
203	TVB			
204	TVS			
205	VAB			
206	VCB			
207	VCG			
208	VCI			
209	VCK			
210	VDS			
211	VFG			
212	VGC			
213	VHC			
214	VHM			
215	VIB			
216	VIC			

Sàn HSX				Sàn HNX	
STT	Mã			STT	Mã
217	VIP				
218	VIX				
219	VJC				
220	VND				
221	VNM				
222	VOS				
223	VPB				
224	VPI				
225	VPL				
226	VPX				
227	VRC				
228	VRE				
229	VSC				
230	VSH				
231	VTO				
232	VTP				
233	VVS				
234	YEG				